

Tư tưởng bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc của Phạm Quỳnh - ý nghĩa với xây dựng nền văn hoá Việt Nam hiện đại

Ngày nhận bài: 30/04/2026 | Ngày phản biện: 15/05/2026 | Ngày xuất bản: 27/05/2026

Tác giả: Lương Thị Phương Diệp (Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Tóm tắt: Vấn đề bảo tồn văn hoá dân tộc của Phạm Quỳnh (1892-1945) là một bộ phận cốt lõi trong tư tưởng của ông, nổi bật giữa bối cảnh Việt Nam đầu thế kỷ XX đang chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của văn minh Pháp. Quan điểm của ông không chỉ dừng lại ở việc “giữ gìn” mà còn gắn liền với “canh tân” và “phát triển” văn hoá dân tộc theo hướng hiện đại. Mối liên hệ giữa tư tưởng của học giả Phạm Quỳnh với thực tiễn xây dựng nền văn hóa Việt Nam hiện đại là một hành trình tiếp biến đồng điệu về mặt phương pháp luận, kéo dài từ đầu thế kỷ XX đến thế kỷ XXI. Tư tưởng của ông có kết nối và ý nghĩa tham chiếu với đường lối xây dựng nền văn hóa “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” của Đảng và Nhà nước ta ngày nay.

1. Đặt vấn đề

Nhìn lại lịch sử tư tưởng Việt Nam, giai đoạn ba mươi năm đầu thế kỷ XX (1900-1930) được định vị là thời kỳ “giao thời” hay “giao thoa” Đông - Tây đầy biến động. Dưới tác động khốc liệt của chính sách cai trị và đồng hóa từ chính quyền thuộc địa Pháp, hệ thiết chế phong kiến cùng nền tảng Hán học ngàn năm bấy giờ rơi vào trạng thái suy thoái, rệu rã. Xã hội Việt Nam đứng trước một ngã rẽ sinh tử: Hoặc chịu buông xuôi để dòng thác văn minh vật chất Tây phương cuốn trôi, hoặc phải tự cách tân, tìm ra một mô hình tồn tại mới.

Giữa bối cảnh ấy, học giả Phạm Quỳnh (1892-1945) nổi lên như một trong những nhân vật trung tâm, một trí thức đi tiên phong trong việc đưa ra quan điểm về bảo tồn và chấn hưng văn hóa dân tộc. Với tư cách là Chủ bút của tờ Nam Phong Tạp chí (1917-1934), ông đã dựng lên thuyết “Thổ nạp Âu - Á”, sử dụng chữ Quốc ngữ như

một thứ công cụ để bảo tồn “quốc hồn, quốc túy”, đồng thời chủ động tiếp biến tinh hoa duy lý Pháp để hiện đại hóa năng lực tư duy của người Việt. Dù chặng đường hoạt động chính trị và văn hóa của Phạm Quỳnh từng phải chịu không ít những cái nhìn khắt khe, thiên lệch từ các hệ ý thức chính trị qua nhiều thời kỳ lịch sử, song di sản học thuật mà ông để lại ngày càng khẳng định giá trị.

Mối liên hệ giữa Phạm Quỳnh và thực tiễn văn hóa Việt Nam hiện nay là mối quan hệ giữa người gieo mầm phương pháp luận và người thực hành thể chế hóa. Vượt qua những thăng trầm của lịch sử chính trị, hệ thống lý luận của ông chứng minh một chân lý bền vững: Muốn bảo tồn văn hóa dân tộc trong thời đại hội nhập toàn cầu, không có con đường nào khác ngoài việc biến di sản thành năng lực tự cường, dùng tư duy hiện đại để chấn hưng cốt cách cũ, làm cho bản sắc quốc gia luôn là một cơ thể sống, tự chủ và không ngừng tiến hóa.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu tiếp cận Phạm Quỳnh như một hiện tượng trí thức dân tộc trong bối cảnh thuộc địa đầu thế kỷ XX; phân tích các văn bản tiêu biểu của ông trên Nam Phong tạp chí và một số diễn văn, khảo luận để hệ thống các tư tưởng về bảo tồn văn hoá dân tộc của Phạm Quỳnh; đối chiếu với các văn kiện, chính sách văn hóa hiện nay để rút ra ý nghĩa tham chiếu.

Để giải quyết các nhiệm vụ khoa học đặt ra, công trình nghiên cứu này phối hợp vận dụng nhóm các phương pháp liên ngành:

Phương pháp lịch sử – logic: Được sử dụng để đặt các phát ngôn, tư tưởng của Phạm Quỳnh vào đúng tọa độ bối cảnh xã hội thuộc địa đầu thế kỷ XX, từ đó rút ra tính tất yếu lô-gíc trong các quyết định văn hóa của ông.

Phương pháp tổng hợp tư liệu: thu thập, phân loại và xử lý nguồn tư liệu sơ cấp là các bài khảo cứu, tiểu luận nghị luận đăng trên phần tiếng Việt của Nam Phong Tạp chí (1917-1934); tập tiểu luận viết bằng tiếng Pháp *Essais Franco-Annamites* (1922-1932); tác phẩm hành trình Pháp du hành trình nhật ký (1922) và một số diễn văn đọc tại các hội đoàn học thuật ở Paris và Hà Nội. Đồng thời, nghiên cứu kế thừa có chọn lọc các nguồn tư liệu thứ cấp từ các công trình nghiên cứu của các học giả uy tín nhằm

bảo đảm tính khách quan, hệ thống và giá trị học thuật của các luận điểm được đề xuất.

Phương pháp phân tích văn bản: phân tích các bài khảo cứu, tiểu luận nghị luận của Phạm Quỳnh để nhìn nhận những tư tưởng về bảo tồn văn hoá, quan điểm và phương pháp ông đề ra.

Phương pháp nghiên cứu so sánh: Đối chiếu tư tưởng của Phạm Quỳnh với đường lối phát triển văn hoá của Đảng và Nhà nước hiện nay, từ đó rút ra ý nghĩa tham chiếu

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả

3.1.1. Cơ sở hình thành tư tưởng bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc của Phạm Quỳnh

Bước sang đầu thế kỷ XX, xã hội Việt Nam chứng kiến sự rệu rã và bất lực hoàn toàn của triều đình phong kiến nhà Nguyễn trước guồng quay cai trị của thực dân Pháp. Sự lung lay tận gốc rễ của Nho giáo đã tước bỏ vị thế độc tôn của hệ tư tưởng này trong việc duy trì trật tự xã hội Việt Nam. Giới trí thức phong kiến, những người từng giữ vai trò “đèn biển” định hướng đạo đức cho xã hội, bấy giờ bỗng chốc trở thành những kẻ lạc lõng, bất lực trước thời cuộc. Hệ giá trị “Tam cương, Ngũ thường” vốn là bộ khung giữ gìn trật tự luân lý nay bị xem là xiềng xích lỗi thời, kìm hãm sự phát triển của cá nhân và quốc gia. Xã hội Việt Nam lâm vào trạng thái “vô chính phủ về mặt tinh thần”, khi cái cũ đã đổ nát nhưng cái mới vẫn chưa định hình vững chắc. (Nguyễn Hồng Phong, 1971; Trần Văn Giàu, 1973).

Chính quyền thực dân thực hiện một cuộc cải cách giáo dục triệt để nhằm mục đích thay thế hoàn toàn chữ Hán bằng tiếng Pháp và chữ Quốc ngữ trong hệ thống hành chính công quyền. Thực dân Pháp tìm cách tạo ra một thế hệ thanh niên An Nam vong bản, những kẻ tôn sùng mẫu quốc nhưng rỗng tuếch về gốc rễ lịch sử tộc người, nhằm biến Việt Nam thành một thuộc địa “vô hồn”, dễ bề sai khiến.

Tâm lý xã hội Việt Nam thời kỳ này bị chia rẽ thành hai thái cực cực đoan:

Thái cực thứ nhất (Cự học thủ cự): Ôm giữ quá khứ một cách mù quáng, đóng cửa khước từ mọi tiến bộ khoa học kỹ thuật, coi văn minh phương Tây là thứ "tà đạo" phá hoại luân lý. Khuynh hướng này đẩy dân tộc vào sự lạc hậu và tự sát văn hóa.

Thái cực thứ hai (Tân học lai căng): Choáng ngợp trước vật chất phương Tây dẫn đến tâm lý tự ti dân tộc. Họ sẵn sàng vứt bỏ toàn bộ phong tục tập quán, tiếng nói, đạo đức cổ truyền để học đòi theo lối sống ăn chơi, phóng đảng của phương Tây, biến mình thành những kẻ bắt chước kệch cỡm.

Chính bối cảnh lịch sử đầy rạn nứt và hiểm họa này đã đặt ra cho các trí thức đương thời, mà tiêu biểu là Phạm Quỳnh, một câu hỏi mang tính sinh tử: Làm thế nào để vừa hiện đại hóa đất nước theo kịp dòng chảy thế giới, lại vừa bảo tồn được cái "gốc" bản sắc ngàn năm để không bị hòa tan vào dòng thác thuộc địa?

Hành trình tri thức độc đáo - đi từ chiều sâu tâm linh Nho học, qua tư duy duy lý trường Pháp, và hoàn thiện bằng phương pháp luận khoa học thuộc địa tại Viện Viễn Đông Bác cổ (École française d'Extrême-Orient - EFEO) - đã tạo nên một cấu trúc nhân cách trí thức đặc biệt ở Phạm Quỳnh. Ông chính là sự dung hợp sống động giữa hai nền văn minh Đông - Tây: một bộ óc Cartesian (tư duy duy lý) sắc bén của phương Tây mang trong mình một trái tim luân lý tôn kính phương Đông. Đây chính là nền tảng nội sinh quyết định dẫn dắt ông kiến tạo nên học thuyết "Thổ nạp Âu - Á" và triển khai toàn bộ các tư tưởng bảo tồn văn hóa dân tộc trong các giai đoạn tiếp theo.

3.1.2. Nội dung cơ bản trong tư tưởng bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc của Phạm Quỳnh

3.1.2.1. Triết lý "Tiếng Việt còn, nước Việt còn" – ngôn ngữ là bệ đỡ sinh mệnh chủ quyền dân tộc

Để hiểu được chiều sâu triết lý ngôn ngữ của Phạm Quỳnh, cần đặt diễn ngôn của ông vào một tọa độ lịch sử cụ thể: Ngày 8 tháng 12 năm 1924 (nhằm ngày 14 tháng 11 năm Giáp Tý), tại bãi đường Hội Khai Trí Tiến Đức (Hà Nội), Ban Văn học của Hội đã tổ chức đại lễ kỷ niệm ngày mất lần thứ 104 của Đại thi hào Nguyễn Du. Trước sự chứng kiến của đông đảo giới trí thức Nam học, Tân học và cả các quan chức học chính người Pháp, Phạm Quỳnh - với tư cách là một trong những người chủ trì - đã đọc bài

diễn văn bất hủ nhằm tôn vinh Truyện Kiều và định vị lại tư cách của tiếng Việt. Trong bài nói chuyện mang tính lịch sử này, Phạm Quỳnh đã đúc kết một mệnh đề được coi là tuyên ngôn cho chủ nghĩa yêu nước văn hóa: “Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn”.

Mệnh đề này không phải là một khẩu hiệu cảm tính, bộc phát, mà là kết quả của một quá trình tư duy lý luận lâu dài được ông nung nấu từ những số đầu tiên của Nam Phong Tạp chí. Bằng cách thiết lập một hàm số đồng biến giữa ba đại lượng: Kiệt tác văn học (Truyện Kiều) - Ngôn ngữ dân tộc (Tiếng ta) - Vận mệnh quốc gia (Nước ta), Phạm Quỳnh đã chuyển dịch một vấn đề vốn thuộc phạm trù mỹ học thuần túy thành một thông điệp chính trị. Ông lập luận rằng một dân tộc chỉ thực sự bị tiêu diệt khi họ bị tước đoạt đi tiếng nói và bị đồng hóa hoàn toàn về mặt tâm thức. Thể xác của một quốc gia là đất đai, bờ cõi có thể bị quân đội viễn chinh chiếm đóng, bộ máy hành chính có thể bị tước quyền tự chủ, nhưng nếu dân tộc đó vẫn giữ được tiếng nói bẩm sinh của mình, thì cái “mã di truyền” văn hóa vẫn tồn tại, cái “gốc” tộc người vẫn chưa bị bật rễ. Theo cấu trúc lý luận này, bảo tồn tiếng Việt không thuần túy là giữ gìn một công cụ giao tiếp thường nhật, mà là cuộc chiến đấu bảo vệ “chủ quyền tinh thần” của dân tộc.

Trong suốt giai đoạn chủ bút Nam Phong Tạp chí, Phạm Quỳnh đã thực hiện nâng tầm Truyện Kiều lên vị trí quan trọng trong nền văn hóa Việt Nam. Ông khẳng định trong “Bài diễn thuyết về Truyện Kiều”: “Một nước không thể không có quốc-hoa, truyện Kiều là quốc-hoa của ta; một nước không thể không có quốc-túy, truyện Kiều là quốc-túy của ta; một nước không thể không có quốc-hồn, truyện Kiều là quốc hồn của ta. Truyện Kiều là cái “văn-tự” của giống Việt-Nam ta đã “trước-bạ” với non sông đất nước này”. (Nam Phong tạp chí số 86, tháng 8/1924). Phạm Quỳnh chính là người đánh thức và truyền cảm hứng nghiên cứu Truyện Kiều cho cả một thế hệ, đặt nền móng cho việc đưa tác phẩm vào giáo khoa và dịch thuật ra thế giới.

3.1.2.2. Hiện đại hóa tiếng Việt qua “Thuyết Thổ nạp Âu - Á”

Để thực hiện triết lý bảo tồn tiếng Việt một cách chủ động, Phạm Quỳnh đã kiến tạo nên một phương pháp luận: Thuyết “Thổ nạp Âu - Á”. Triết lý này được chính ông khẳng định trong bài “Bàn phỉếm về văn hóa Đông Tây”: “Tôi đây cũng tin ở sự điều

hòa đó, vẫn lấy bốn chữ “thổ nạp Âu Á” làm lời cảnh huấn riêng” (Thượng Chi, 1924; Nam Phong tạp chí số 84, tháng 6/1924). Bản chất của lý thuyết này là một quá trình tiếp biến văn hóa có chọn lọc (Đỗ Lai Thúy, 2007). Ông định nghĩa “thổ” là sự đào thải, khước từ những yếu tố hủ bại, trì trệ của nền học thuật cũ, và “nạp” là sự thu nhận, chiếm dụng những tinh hoa khoa học, phương pháp luận của văn minh phương Tây để làm mới nội lực phương Đông.

Trong lĩnh vực ngôn ngữ, Phạm Quỳnh không chấp nhận thái độ đóng cửa bảo thủ, ôm giữ tiếng Việt ở trạng thái nguyên thủy mang tính chất dân gian. Ông nhận định rằng, tiếng Việt truyền thống tuy giàu tính nhạc, uyển chuyển trong biểu cảm đời sống nhưng lại thiếu hụt nghiêm trọng khả năng lập luận logic và hệ thống thuật ngữ trừu tượng. Để tiếng Việt không bị đẩy lùi thành một thứ “phương ngôn hạ đẳng” trước tiếng Pháp, con đường duy nhất là phải hiện đại hóa nó. Ông chủ trương biến tiếng Việt thành một thứ “Quốc văn bác học” bằng cách dùng chính các công cụ cấu trúc của phương Tây để cải biến và nâng tầm ngôn ngữ dân tộc. Sự trỗi dậy của chữ Quốc ngữ và sự phát triển của báo chí chính là bệ đỡ vật chất và tinh thần quyết định, giúp Phạm Quỳnh định hình nên toàn bộ hệ thống tư tưởng này.

Song song với việc sử dụng cấu trúc cú pháp theo mẫu hình phương Tây, Phạm Quỳnh thực hiện bồi đắp từ vựng bằng cách quay trở về nương tựa vào kho tàng từ Hán - Việt. Phương thức được chia sẻ trong tiểu luận “Ngôn ngữ mới của nước Nam” (1931) (nguyên bản tiếng Pháp: *La langue nouvelle de l'Annam*): “Việc đầu tiên phải làm là hợp nhất hai ngôn ngữ của nhà Nho (“đồ theo văn phong Hán”) và của dân chúng, thông tục hóa ngôn ngữ nhà Nho bằng cách nhúng nó vào các nguồn mạch sâu xa của khẩu ngữ; nâng cao ngôn ngữ dân chúng bằng cách thêm vào nó một số ngữ điệu văn chương và bồi đắp cho nó tất cả vốn từ Hán - Nôm đã được công nhận và sử dụng. Nhưng...như vậy vẫn chưa đủ để nó làm được nhiệm vụ của một ngôn ngữ văn hóa. Nó vẫn còn thiếu vốn từ kỹ thuật và triết học để dịch và diễn đạt các tư tưởng và quan niệm hiện đại. Làm thế nào để lấp được chỗ trống đó? Có thể tiến hành vay mượn cả từ tiếng Hán lẫn tiếng Pháp...” (Phạm Quỳnh, 2007). Phạm Quỳnh - Tiểu luận viết bằng tiếng Pháp trong thời gian 1922-1932 (P. X. Nguyễn, Dịch).

Đây chính là biểu hiện của thuyết “Thổ nạp Âu - Á”: Cú pháp lý tính phương Tây làm bộ khung (Âu) + Từ vựng gốc Đông phương làm da thịt (Á) = Nền Quốc văn bác học

hiện đại Việt Nam. Phạm Quỳnh đã chứng minh một chân lý lịch sử: Bảo tồn văn hóa không phải là giữ cho nó đứng yên trong tủ kính, mà là chủ động trang bị cho nó một thứ “vũ khí ngôn ngữ” tân tiến để nó tự sinh tồn và phát triển sòng phẳng trong dòng chảy văn minh thế giới.

3.1.2.3. Bảo tồn các thiết chế văn hoá phi vật thể và đời sống xã hội

Thông qua tìm hiểu cách tiếp cận của Phạm Quỳnh đối với Ả đào và Chèo, có thể rút ra một đóng góp quan trọng của ông trong nhận thức luận về di sản: Xóa bỏ ranh giới nhị nguyên giữa văn hóa bác học và văn hóa dân gian. Tư duy bảo tồn di sản của Phạm Quỳnh thể hiện qua bài diễn thuyết “Văn chương trong lối hát ả đào” đọc tại Hội Khai Trí Tiến Đức, đăng trên Nam Phong Tạp chí số 69 (tháng 3/1923). Ông là một trong những học giả đầu tiên sử dụng phương pháp khảo cứu lịch sử học để phân định rạch ròi giữa bản chất nghệ thuật nguyên bản và sự biến tướng xã hội. Ông chứng minh hát Ả đào (Ca trù) bắt nguồn từ lối “Hát Cửa Quyền” đời nhà Lê, vốn là một loại hình nghệ thuật cung đình và bác học có quy chuẩn âm luật cực kỳ khắt khe. Qua việc nâng tầm hát Ả đào thành một nền “mỹ nghệ quốc gia”, Phạm Quỳnh đã thực hiện một cú đảo chiều nhận thức luận: biến một đối tượng đang bị xã hội kỳ thị thành một di sản văn hóa bác học cần được bảo tồn nghiêm cẩn.

Phạm Quỳnh cũng dành sự quan tâm đặc biệt cho nghệ thuật Chèo cổ đồng bằng Bắc Bộ thông qua nhiều bài viết trên Nam Phong tạp chí. Trong bài “Khảo về diễn kịch” (Thượng Chi, Nam Phong số 51, tháng 9/1921) phân tích thực trạng sân khấu nước nhà trong buổi giao thời, Phạm Quỳnh dành một phần quan trọng để bàn về chèo và tuồng. Phạm Quỳnh nhìn nhận cấu trúc của Chèo cổ như là “Kịch nghệ thuần túy Việt Nam”, một tấm gương phản chiếu chân thực và tinh tế nhất tâm lý, tính cách hòa nhã, hài hước, giàu tình thương của người nông dân Việt.

Ông là người tích cực ủng hộ việc duy trì các nghi lễ cổ truyền, coi đó là sợi dây vô hình kết nối các thế hệ và lưu giữ hình ảnh bản sắc quốc gia. Quan điểm về thiết chế gia đình và phong tục đời sống (Cưới hỏi, Tang ma, Ngày Tết) được thể hiện trong du ký “Mười ngày ở Huế” đăng trên Nam Phong tạp chí số 10 (4/1918): “Phàm cái hình thức gì nó biểu được cái hồn xưa của Tổ quốc, dù phiền phức đến đâu cũng không nên bỏ. Bỏ một cái, bỏ mười cái là xóa mất cái hình ảnh nước nhà trong con mắt bọn

hậu sinh vậy” (Thượng Chi, 1918).

Học giả Phạm Quỳnh là một người “nặng lòng với quốc phục”, xem trang phục truyền thống của dân tộc (áo dài ngũ thân, khăn đóng) là biểu tượng hiển nhiên cho lòng tự tôn và bản sắc văn hóa quốc gia. Phạm Quỳnh luôn chọn áo dài ngũ thân truyền thống, quần trắng và khăn đóng làm trang phục chính thức cho mình. Khi sang Pháp dự Đấu xảo thuộc địa Marseille và diễn thuyết tại Viện Hàn lâm Chính trị và Luân lý Pháp (1922), ông gây ấn tượng mạnh mẽ với giới trí thức phương Tây bằng hình ảnh một học giả uyên bác, nói tiếng Pháp hoàn hảo nhưng vận nguyên bộ quốc phục Việt Nam. Thậm chí, khi ông bước vào chốn quan trường triều đình Huế làm Thượng thư, trang phục này càng gắn liền với hình ảnh một vị đại thần gìn giữ thể chế văn hóa dân tộc.

Phạm Quỳnh còn nêu quan điểm về văn hoá qua các bài luận tiếng Pháp với nghệ thuật lập luận thăng hoa. Bài “Thơ nước Nam” (La Poésie Annamite - 1922) bày tỏ lòng tự tôn về kho tàng thơ ca lâu đời của Việt Nam, từ thơ ca bình dân (ca dao, tục ngữ) đến thơ ca bác học (Thi luật và Truyện Kiều) trên bục diễn thuyết của Ban Văn học thuộc Hội Địa dư Paris (Société de Géographie de Paris). Bài luận “Sự tiến hóa của Nho giáo ở An Nam” lại được Phạm Quỳnh thuyết trình trước Hội Triết học Pháp (Société française de Philosophie) tại Paris vào năm 1922 giải phẫu Nho giáo dưới góc độ xã hội học và triết học hành động, nhằm làm sáng tỏ cách thức hệ tư tưởng này đã cấu trúc nên tâm thức người Việt và nó cần biến đổi thế nào trong thời đại mới.

3.2. Thảo luận: Ý nghĩa tham chiếu đối với xây dựng nền văn hóa Việt Nam hiện đại

Quyết định số 1909/QĐ-TTg phê duyệt “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030” do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 12/11/2021 đã đặt nhiệm vụ chấn hưng giáo dục nghệ thuật, chuẩn hóa tiếng Việt và phát triển công nghiệp văn học quốc ngữ thành một chương trọng điểm. Việc triển khai ngày “Tôn vinh tiếng Việt trong cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài” hằng năm là một trong những biểu hiện tiếp nối tư tưởng dùng ngôn ngữ neo giữ căn cước dân tộc mà Phạm Quỳnh từng theo đuổi. Thuyết “Thổ nạp Âu - Á” của Phạm Quỳnh (giữ cốt lõi đạo đức Đông

phương, nạp phương pháp luận lý tính và khoa học thực nghiệm Tây phương) là tiền đề lý luận thô sơ nhưng chuẩn xác của công thức xây dựng văn hóa hiện đại. Tư tưởng này của Phạm Quỳnh cũng thể hiện tinh thần hội nhập quốc tế của Việt Nam thế kỷ XXI, hòa nhập mà không hòa tan. (Đỗ Lai Thúy, 2007).

Đường lối của Đảng từ Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) đến Văn kiện Đại hội XIII (2021) đều nhất quán: “tiên tiến” (tiếp thu khoa học, giá trị nhân văn toàn cầu) gắn liền với “đậm đà bản sắc dân tộc” (bảo tồn tinh hoa, lòng yêu nước, đạo đức truyền thống). Trong Văn kiện Đại hội XIV (2026), văn hóa không chỉ là động lực, mà phải trở thành “hệ điều tiết” cho sự phát triển đất nước: “phát triển, lan toả các giá trị văn hoá và chuẩn mực đạo đức; tăng cường “sức đề kháng” của văn hoá, chống lại mọi sự “xâm lăng” về văn hoá; bài trừ các hình thức văn hoá lai căng, huỷ hoại ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục; đấu tranh, phản bác những luận điệu xuyên tạc lịch sử, văn hoá và truyền thống cách mạng”.

Phạm Quỳnh đấu tranh trên Nam Phong Tạp chí để bảo vệ ý nghĩa thiêng liêng kết nối gia tộc của ngày Tết, cưới hỏi, tang ma, nhưng quyết liệt yêu cầu bài trừ nạn khóc mướn, mời thầy cúng bùa chú, đốt vàng mã vô tội vạ, ăn uống linh đình gây nợ nần. Tư tưởng gạn lọc phong tục này đồng điệu với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” hiện nay. Ông dùng tư duy phê bình phương Tây để nâng tầm Truyện Kiều, nghệ thuật Chèo, hát Ả đào từ vị thế dân gian lên tầm bác học để đối thoại với chính quốc. Thực tiễn ngày nay, Việt Nam đang dịch chuyển từ tư duy “bảo tồn tĩnh” (giữ gìn nguyên trạng trong bảo tàng) sang “phát triển động”, biến di sản thành tài nguyên cho nền Công nghiệp văn hóa và phát triển du lịch bền vững. Ngành văn hóa hiện nay đang áp dụng phương pháp: Giữ nguyên cốt lõi âm luật ước lệ cổ truyền nhưng số hóa, điện ảnh hóa và đưa vào các không gian sáng tạo hiện đại. Việc UNESCO vinh danh Ca trù, hay việc các nghệ sĩ trẻ ngày nay (như các dự án nhạc đương đại kết hợp nghệ thuật truyền thống) thành công trong việc xuất khẩu văn hóa ra thế giới chính là sự tiếp nối thành tựu đưa di sản dân tộc ra đối thoại với thế giới tinh hoa mà Phạm Quỳnh từng làm tại Paris năm 1922.

4. Kết luận

Di sản tư tưởng của Phạm Quỳnh để lại một bài học lịch sử về phương pháp luận bảo tồn di sản văn hóa dân tộc. Ông chứng minh cho hậu thế thấy rằng: Bảo tồn không phải là đóng băng quá khứ trong tủ kính bảo tàng, mà bảo tồn phải đi đôi với canh tân và chủ động tiếp biến (Bảo tồn động). Mô hình phát triển văn hóa của Phạm Quỳnh: Lấy trực đạo đức Đông phương làm nền tảng ổn định xã hội + Lấy phương pháp tư duy khoa học, công nghệ phương Tây làm động lực phát triển + Lấy ngôn ngữ dân tộc làm thành trì bảo vệ căn cước chính là một bộ cẩm nang có ý nghĩa tham chiếu cho chiến lược xây dựng nền văn hóa Việt Nam “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. (1998). Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16 tháng 7 năm 1998 tại Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Cổng thông tin điện tử Văn kiện Đảng. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/>.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2026). Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Cổng thông tin điện tử Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam. <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/>.
4. Trần Văn Giàu. (1973). Sự phát triển của tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám (Tập 1). Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
5. Nguyễn, Hồng Phong (1971). Xã hội Việt Nam từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX. Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.
6. Phạm Quỳnh. (2007). Trong Phạm Quỳnh – Tiểu luận viết bằng tiếng Pháp trong thời gian 1922-1932 (P. X. Nguyễn, Dịch). Nhà xuất bản Tri Thức.tr. 474–479.
7. Trần Đình Sử. (2022). Phạm Quỳnh – Nhà phê bình bách khoa, khai sáng với thân phận thuộc địa. Tạp chí Sông Hương Số 402 (T08-22)
8. Đỗ Lai Thuý. (2007). Phạm Quỳnh, một góc nhìn khác. Nhà xuất bản Tri thức
9. Nam Phong tạp chí (Giai đoạn 1917 - 1934). Bản số hoá 210 số báo Nam Phong của Thư viện Quốc gia Việt Nam